

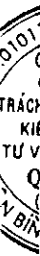
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐỊA ỐC VŨNG TÀU**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 35



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Ngô Trí Dũng	Thành viên
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên
Ông Tô Quang Tùng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Mai Ngọc Định	Phó Tổng Giám đốc thứ hai (miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2016)

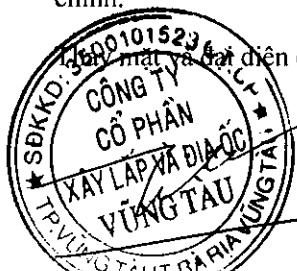
### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Đã ký và đóng dấu tại Văn phòng Công ty, ngày 27 tháng 8 năm 2016.

Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2016



# CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Lầu 5, Toà nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM

T: (+84 8) 3547 2323 - F: (+84 8) 3547 2579 - W: ifcvietnam.com.vn

Số: 468/2016/BCSX-IFCHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây Lắp và Địa ốc Vũng Tàu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu được lập ngày 27 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính riêng năm 2015 bao gồm báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 1 tháng 1 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đó đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo này.



**Phạm Giang Thạch**

**Phó Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2178-2013-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư  
vấn Tài chính Quốc tế**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2016*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.286.201.002</b>	<b>81.853.303.598</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.128.278.658</b>	<b>1.887.714.116</b>
1. Tiền	111	5	1.128.278.658	1.887.714.116
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.649.001.033</b>	<b>44.354.742.301</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.781.293.248	36.633.754.106
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.388.288.754	4.066.047.220
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.278.910.022	5.363.506.966
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.799.490.991)	(1.708.565.991)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.330.900.677</b>	<b>35.494.627.750</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	37.330.900.677	35.494.627.750
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>178.020.634</b>	<b>116.219.431</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.413.962	105.549.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		85.610.151	10.669.528
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18a	1.996.521	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>155.796.097.909</b>	<b>155.517.522.479</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.775.567.526</b>	<b>4.853.349.662</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	52.719.926	70.077.532
- Nguyên giá	222		1.631.166.681	1.631.166.681
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.578.446.755)	(1.561.089.149)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.722.847.600	4.783.272.130
- Nguyên giá	228		5.607.470.860	5.607.470.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(884.623.260)	(824.198.730)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>16.636.106.638</b>	<b>17.043.910.678</b>
- Nguyên giá	231		20.390.201.916	20.390.201.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.754.095.278)	(3.346.291.238)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>126.058.009.752</b>	<b>126.054.540.752</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	14	126.058.009.752	126.054.540.752
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>8.029.525.644</b>	<b>7.268.833.038</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.664.000.000	9.406.400.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.634.474.356)	(2.137.566.962)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>296.888.349</b>	<b>296.888.349</b>
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		296.888.349	296.888.349
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>208.082.298.911</b>	<b>237.370.826.077</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B 01a-DN  
Đơn vị: VND

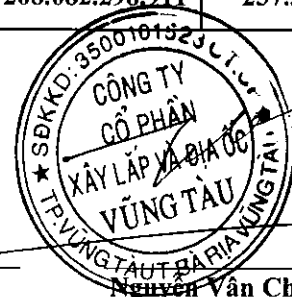
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.384.465.437</b>	<b>67.477.639.985</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.812.613.277</b>	<b>60.905.787.825</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.799.740.300	1.305.121.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.457.772.659	3.228.790.951
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18b	3.456.669.126	15.909.188.828
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.810.714.867	21.383.450.467
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10.909.090	32.727.272
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20a	7.150.865.082	9.489.867.297
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	294.826.856	7.581.725.890
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	1.268.913.744	1.268.913.744
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		562.201.553	706.001.553
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.571.852.160</b>	<b>6.571.852.160</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	20b	6.571.852.160	6.571.852.160
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>170.697.833.474</b>	<b>169.893.186.092</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>170.697.833.474</b>	<b>169.893.186.092</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.047.620.000	145.047.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.047.620.000	145.047.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.583.999.036	10.691.041.036
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.558.370.872)	(1.923.012.872)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.713.608.236	12.713.608.236
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		452.055.479	452.055.479
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.458.921.595	2.911.874.213
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.911.874.213	8.201.996.060
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		547.047.382	(5.290.121.847)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>208.082.298.911</b>	<b>237.370.826.077</b>



Trần Thị Thúy  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Thúy  
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>3.178.706.099</b>	<b>10.930.058.076</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>3.178.706.099</b>	<b>10.930.058.076</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.936.801.167	10.506.668.723
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.241.904.932</b>	<b>423.389.353</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.092.514	54.729.040
7. Chi phí tài chính	22	27	(127.841.227)	146.358.206
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		375.251.379	146.358.206
8. Chi phí bán hàng	25		4.500.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.712.564.548	1.871.611.108
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(344.225.875)</b>	<b>(1.539.850.921)</b>
11. Thu nhập khác	31	29	695.314.652	5.293.275
12. Chi phí khác	32	30	382.110.914	578.846
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>313.203.738</b>	<b>4.714.429</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>31</b>	<b>(31.022.137)</b>	<b>(1.535.136.492)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(578.069.519)	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>547.047.382</b>	<b>(1.535.136.492)</b>



Trần Thị Thúy  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

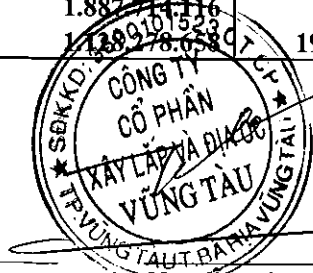
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(31.022.137)</b>	<b>(1.535.136.492)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	485.586.176	491.140.164
Các khoản dự phòng	03	(412.167.606)	530.323.514
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.092.514)	(54.729.040)
Chi phí lãi vay	06	375.251.379	146.358.206
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>414.555.298</b>	<b>(422.043.648)</b>
Giảm các khoản phải thu	09	28.937.879.124	10.655.515.141
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.839.741.927)	1.563.230.734
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(19.090.228.307)	95.946.866.037
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	15.135.941	(4.273.506.795)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.857.600.275)	(49.066.949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(642.527.826)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.937.472.028</b>	<b>103.420.994.520</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(257.600.000)	(326.400.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27	3.092.514	54.729.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(254.507.486)</b>	<b>(271.670.960)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	257.600.000	326.400.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.600.000.000	600.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.300.000.000)	(85.343.835.844)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.442.400.000)</b>	<b>(84.417.435.844)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(759.435.458)</b>	<b>18.731.887.716</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.887.711.116</b>	<b>724.687.783</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.128.275.658</b>	<b>19.456.575.499</b>



Trần Thị Thúy  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Thúy  
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 1816/QĐ-UB ngày 13 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500101523 ngày 20 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu, và giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 145.047.620.000 VND, được chia thành 14.504.762 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về chi nhánh:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ chi nhánh</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu	852 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Du lịch	Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 44. (31 tháng 12 năm 2015: 41).

**Ngành nghề kinh doanh**

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; dịch vụ ăn uống khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất ở, đất khu công nghiệp, mặt nước, nhà ở, kho bãi đỗ xe, nhà phục vụ mục đích kinh doanh (kios, trung tâm thương mại), nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; hoàn thiện công trình xây dựng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; lắp đặt hệ thống điện;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa; sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Tư vấn, mua giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Kinh doanh bãi tắm biển, kinh doanh nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng; dịch vụ giặt là; dịch vụ trông giữ xe; quản lý dự án; kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng. Ngoài ra, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chu kỳ sản xuất kinh doanh của công ty còn phụ thuộc vào từng dự án mà công ty thực hiện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (2) công ty con. Thông tin chi tiết các công ty con đang đầu tư như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100%	100%	Xây dựng công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	82,83%	82,83%	Xây dựng công trình

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

###### ***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Đầu tư vào công ty con***

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Các khoản trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí vật tư, sửa chữa nhà bảo vệ phát sinh tại khu chung cư 22 tầng Thùy Vân.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	12.792.619	422.031.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.115.486.039	1.465.683.081
<b>Cộng</b>	<b>1.128.278.658</b>	<b>1.887.714.116</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cục hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.635.633.202	2.635.633.202
Khách hàng mua Chung cư 22 tầng	866.861.900	1.097.282.900
Công ty TNHH Vũ Hà	853.200.000	853.200.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	500.000.000	18.896.363.000
Khách hàng mua đất 52G đường 30/4	407.730.000	407.730.000
Ban Quản lý Dự án Sở Xây dựng	-	11.744.942.471
Công an Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	549.701.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	517.868.146	448.901.533
<b>Cộng</b>	<b>5.781.293.248</b>	<b>36.633.754.106</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	2.499.433.496	2.499.433.496
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán TND	350.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Long	334.353.398	334.353.398
Công ty TNHH Xây dựng Huệ Hùng	82.076.860	85.076.860
Công ty TNHH Kỹ thuật Thịnh An	60.000.000	60.000.000
Trung tâm Kiến trúc Miền Nam - 52G	37.425.000	37.425.000
Văn phòng Luật sư Phạm Hùng	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	-	1.024.758.466
Khác	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.388.288.754</b>	<b>4.066.047.220</b>

*Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	2.499.433.496	2.499.433.496
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	-	1.024.758.466
<b>Cộng</b>	<b>2.499.433.496</b>	<b>3.524.191.962</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	1.412.983.353	2.143.018.564
Phải thu khác	4.865.926.669	3.220.488.402
<i>Phải thu Ủy ban Nhân dân huyện Tân Thành giá trị phần khấu hao còn lại của chợ Tân Thành</i>	<i>3.015.046.596</i>	<i>3.015.046.596</i>
<i>Tạm ứng kinh phí thi công công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2</i>	<i>1.676.960.744</i>	<i>90.426.192</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>173.919.329</i>	<i>115.015.614</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>6.278.910.022</u></b>	<b><u>5.363.506.966</u></b>
 <i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	<u>1.676.960.744</u>	<u>90.426.192</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	30/06/2016			01/01/2016			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
Phải thu khách hàng	853.200.000	-	> 3 năm	853.200.000	-	>3 năm	Công ty TNHH Vũ Hà
Phải thu khách hàng	57.141.000	-	> 3 năm	57.141.000	-	>3 năm	Ông Nguyễn Tôn Hoàng
Phải thu khách hàng	37.140.533	-	> 3 năm	37.140.533	-	>3 năm	Ban Quản lý cảng Bến Đầm
Phải thu khách hàng	37.689.000	-	> 3 năm	37.689.000	-	>3 năm	Trương Thị Mỹ Tiên
Phải thu khách hàng	79.633.000	-	> 3 năm	79.633.000	-	>3 năm	Huỳnh Thị Yên
Phải thu khách hàng	176.498.000	-	> 3 năm	176.498.000	-	>3 năm	Dương Bá Lập
Phải thu khách hàng	30.800.000	-	> 3 năm	30.800.000	-	>3 năm	Võ Văn Quá - Lô E-B19 Tân Thành
Phải thu khác	4.511.400	-	> 3 năm	4.511.400	-	> 3 năm	Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Phải thu khác	3.383.550	-	> 3 năm	3.383.550	-	> 3 năm	Cục Quản lý Thị trường Thành phố Hồ Chí Minh
Phải thu khác	5.639.250	-	> 3 năm	5.639.250	-	> 3 năm	Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh
Trả trước cho nhà cung cấp	334.353.398	-	> 3 năm	334.353.398	-	> 3 năm	Công ty TNHH Xây dựng Hồng Long
Trả trước cho nhà cung cấp	82.076.860	-	> 3 năm	85.076.860	(3.500.000)	> 3 năm	Công ty TNHH Xây dựng Huệ Hùng
Trả trước cho nhà cung cấp	37.425.000	-	> 3 năm	37.425.000	37.425.000	> 3 năm	Trung tâm Kiến trúc Miền Nam - 52G
Trả trước cho nhà cung cấp	60.000.000	-	> 3 năm	60.000.000	60.000.000	> 3 năm	Công ty TNHH Kỹ thuật Thịnh An
<b>Cộng</b>	<b>1.799.490.991</b>	<b>-</b>		<b>1.802.490.991</b>	<b>93.925.000</b>		
<b>Giá trị đã lập dự phòng</b>		<b>1.799.490.991</b>			<b>1.708.565.991</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.239.190	-	23.239.190	-
Công cụ, dụng cụ	14.772.727	-	8.400.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.292.888.760	-	35.462.988.560	-
- Dự án Trung tâm Thương mại Tân Thành	33.628.597.361	-	33.573.080.561	-
- Công trình thi công trụ sở Chi cục Hải quan Côn Đảo	1.719.036.185	-	1.657.915.375	-
- Dự án Leman Cap 60 Hạ Long - Tp Vũng Tàu	600.669.758	-	20.426.388	-
- Công trình Chợ Láng Cát - Tân Hải	211.566.236	-	211.566.236	-
- Dự án Cao ốc văn phòng- Chung cư cao cấp 54 Võ Thị Sáu	140.000.000	-	-	-
- Dự án Bãi biển Thùy Vân Cộng	993.019.220	-	-	-
	<b>37.330.900.677</b>	<b>-</b>	<b>35.494.627.750</b>	<b>-</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016 và tại ngày 30/06/2016	1.207.571.687	90.000.000	333.594.994	1.631.166.681
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	1.137.494.155	90.000.000	333.594.994	1.561.089.149
Khấu hao trong kỳ	17.357.606	-	-	17.357.606
Tại ngày 30/06/2016	<b>1.154.851.761</b>	<b>90.000.000</b>	<b>333.594.994</b>	<b>1.578.446.755</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	70.077.532	-	-	70.077.532
Tại ngày 30/06/2016	<b>52.719.926</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>52.719.926</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016: 1.221.634.681 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.221.634.681 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2016 và tại ngày 30/06/2016	5.480.720.860	126.750.000	5.607.470.860
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2016	713.292.480	110.906.250	824.198.730
Khấu hao trong kỳ	44.580.780	15.843.750	60.424.530
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>757.873.260</b>	<b>126.750.000</b>	<b>884.623.260</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2016	4.767.428.380	15.843.750	4.783.272.130
Tại ngày 30/06/2016	4.722.847.600	-	4.722.847.600

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 126.750.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0 VND)

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất 2.429,9 m<sup>2</sup> có thời hạn 50 năm đến ngày 20 tháng 12 năm 2057 tại địa chỉ 54 Võ Thị Sáu, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và quyền sử dụng đất vô thời hạn với diện tích 6.402 m<sup>2</sup> tại phường 11 thành phố Vũng Tàu. Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Rịa - Vũng Tàu để bảo lãnh thực hiện thi công gói thầu “Thi công phần thô khu III dự án Leman Cap - 60 Hạ Long - Thành phố Vũng Tàu”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	Nhà và quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2016 và ngày 30/06/2016	<u>20.390.201.916</u>
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	3.346.291.238
Khấu hao trong kỳ	407.804.040
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<u>3.754.095.278</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2016	<u>17.043.910.678</u>
Tại ngày 30/06/2016	<u>16.636.106.638</u>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty bao gồm quyền sử dụng lâu dài tầng 1 và 2 chung cư số 145 Phan Chu Trinh và 2 tầng khách sạn thuộc chung cư số 165A Thùy Vân. Công ty hiện chưa có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đối với bất động sản tại chung cư số 165A Thùy Vân. Các bất động sản này đang được Công ty cho thuê hoạt động.

**14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án nhà ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	<u>126.058.009.752</u>	<u>126.054.540.752</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND (Điều chỉnh hồi tố)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	5.080.000.000	(1.419.982.151)	3.660.017.849	5.080.000.000	(1.849.157.078)	3.230.842.922
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	4.584.000.000	(214.492.205)	4.369.507.795	4.326.400.000	(288.409.884)	4.037.990.116
<b>Cộng</b>	<b>9.664.000.000</b>	<b>(1.634.474.356)</b>	<b>8.029.525.644</b>	<b>9.406.400.000</b>	<b>(2.137.566.962)</b>	<b>7.268.833.038</b>

*Các giao dịch trọng yếu với công ty con trong kỳ*

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1</b>		
Lãi vay phải trả trong kỳ	173.360.888	215.834.016
Chi phí thuê xe phát sinh trong kỳ	-	25.200.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	1.982.141.667	-
Công ty TNHH Kim khí Đông Phương	633.896.984	633.896.984
Cơ sở I Nox Mạnh Hùng	70.424.000	70.424.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Chiến Thắng	51.588.495	51.588.495
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng	35.000.000	35.000.000
Chi nhánh Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu	-	337.001.790
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phương Anh Anh	-	120.521.400
Đối tượng khác	26.689.154	56.689.154
<b>Cộng</b>	<b>2.799.740.300</b>	<b>1.305.121.823</b>
<i>Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	1.982.141.667	-

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Viện Nghiên cứu và Nuôi trồng Thủy sản II	1.039.456.508	1.228.332.544
Công ty Cổ phần Quốc Tế Song Khuê	1.068.744.502	-
Trần Thị Nghĩa	532.000.000	799.000.000
Phạm Thị Lệ Hoa	495.000.000	678.886.758
Vũ Thị Hồng Tâm	322.571.649	322.571.649
Phạm Thị Thu Nga	-	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.457.772.659</b>	<b>3.228.790.951</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2016 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.996.521	-	1.996.521
<b>Cộng</b>	-	<b>1.996.521</b>	-	<b>1.996.521</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	11.746.316.002	133.369.574	11.879.685.576	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.300.895.099	(578.069.519)	642.527.826	80.297.754
Thuế thu nhập cá nhân	92.597.154	(44.303.696)	39.595.207	8.698.251
Thuế đất	2.769.380.573	95.053.000	95.053.000	2.769.380.573
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí phải nộp khác		598.292.548		598.292.548
<b>Cộng</b>	<b>15.909.188.828</b>	<b>207.341.907</b>	<b>12.659.861.609</b>	<b>3.456.669.126</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí thi công công trình	10.628.406.611	16.980.250.250
Trích trước chi phí lãi vay	519.015.707	3.175.305.016
Chi phí khác	663.292.549	1.227.895.201
<b>Cộng</b>	<b>11.810.714.867</b>	<b>21.383.450.467</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	10.585.000	-
Bảo hiểm xã hội	51.841.166	-
Bảo hiểm y tế	8.972.515	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.987.782	-
Phải trả khác	7.075.478.619	9.489.867.297
<i>Phải trả gốc và lãi hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1</i>	<i>3.635.184.222</i>	<i>4.011.104.284</i>
<i>Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp</i>	<i>2.007.814.158</i>	<i>2.007.814.158</i>
<i>Ban quản trị Chung cư 22 tầng Thùy Vân</i>	<i>379.886.098</i>	<i>379.886.098</i>
<i>Công ty Logistic Long Hưng</i>	<i>257.003.353</i>	<i>257.003.353</i>
<i>Thuế GTGT chưa xuất hóa đơn</i>	<i>-</i>	<i>328.719.041</i>
<i>Đặt cọc mua chung cư Goldsea</i>	<i>-</i>	<i>1.086.675.379</i>
<i>Ban quản lý Dự án bãi biển Thùy Vân</i>	<i>-</i>	<i>828.172.937</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>795.590.788</i>	<i>590.492.047</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.150.865.082</u></b>	<b><u>9.489.867.297</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	121.500.000	121.500.000
Phí bảo trì công trình	6.450.352.160	6.450.352.160
<b>Cộng</b>	<b><u>6.571.852.160</u></b>	<b><u>6.571.852.160</u></b>
<b><i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan</i></b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	<u>3.635.184.222</u>	<u>4.011.104.284</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	7.300.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
Phạm Văn Thế (*)	294.826.856	294.826.856	13.100.966	-	281.725.890	281.725.890
<b>Cộng</b>	<b>294.826.856</b>	<b>294.826.856</b>	<b>1.613.100.966</b>	<b>8.900.000.000</b>	<b>7.581.725.890</b>	<b>7.581.725.890</b>

(\*) Khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất điều chỉnh theo lãi xuất vay của ngân hàng, sau khi hết hạn hợp đồng sẽ tự gia hạn.

**22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện phân dự phòng bảo hành Công trình thi công trụ sở Chi cục Hải quan Côn Đảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND (điều chỉnh hồi tổ)	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	145.047.620.000	10.792.623.984	(2.327.289.872)	12.713.608.236	452.055.479	10.209.810.218	176.888.428.045
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(77.877.000)	404.277.000	-	-	-	326.400.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(5.290.121.847)	(5.290.121.847)
Giảm khác (*)	-	(23.705.948)	-	-	-	(2.007.814.158)	(2.031.520.106)
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	<b>145.047.620.000</b>	<b>10.691.041.036</b>	<b>(1.923.012.872)</b>	<b>12.713.608.236</b>	<b>452.055.479</b>	<b>2.911.874.213</b>	<b>169.893.186.092</b>
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(107.042.000)	364.642.000	-	-	-	257.600.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	547.047.382	547.047.382
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>145.047.620.000</b>	<b>10.583.999.036</b>	<b>(1.558.370.872)</b>	<b>12.713.608.236</b>	<b>452.055.479</b>	<b>3.458.921.595</b>	<b>170.697.833.474</b>

(\*) Khoản giảm lợi nhuận chưa phân phối 2.007.814.158 VND được sử dụng để bù đắp cho khoản lãi chậm nộp cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp theo Công văn số 1468/ĐTKDV-TCKT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và sử dụng Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp bù đắp theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

*b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Vốn góp của nhà nước	11.838.330.000	11.838.330.000
Vốn góp của các đối tượng khác	133.209.290.000	133.209.290.000
<b>Cộng</b>	<b>145.047.620.000</b>	<b>145.047.620.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

*Vốn điều lệ và vốn đầu tư*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư (sửa đổi), vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 145.047.620.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 145.047.620.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp	
			30/06/2016	01/01/2016
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	11.838.330.000	8,16%	11.838.330.000	11.838.330.000
Cổ đông khác	133.209.290.000	91,84%	133.209.290.000	133.209.290.000
<b>Cộng</b>	<b>145.047.620.000</b>	<b>100%</b>	<b>145.047.620.000</b>	<b>145.047.620.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	14.504.762	14.504.762
+ Cổ phiếu phổ thông	14.504.762	14.504.762
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(196.620)	(242.620)
+ Cổ phiếu phổ thông	(196.620)	(242.620)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.308.142	14.262.142
+ Cổ phiếu phổ thông	14.308.142	14.262.142
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.966.153.637	9.642.245.707
Doanh thu cho thuê bất động sản	429.749.998	626.113.637
Doanh thu khác	782.802.464	661.698.732
<b>Cộng</b>	<b>3.178.706.099</b>	<b>10.930.058.076</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	849.477.960	9.497.612.022
Giá vốn cho thuê bất động sản	407.804.040	428.365.144
Giá vốn khác	679.519.167	580.691.557
<b>Cộng</b>	<b>1.936.801.167</b>	<b>10.506.668.723</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.092.514	6.853.252
Lãi khách hàng chậm thanh toán	-	47.875.788
<b>Cộng</b>	<b>3.092.514</b>	<b>54.729.040</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền vay	375.251.379	146.358.206
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(503.092.606)	-
<b>Cộng</b>	<b>(127.841.227)</b>	<b>146.358.206</b>

**28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.040.062.383	976.095.924
Chi phí vật liệu quản lý	-	7.539.118
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.257.997	22.427.686
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.782.136	83.336.124
Thuế, phí, lệ phí	54.036.000	3.080.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.271.563	312.385.008
Chi phí bằng tiền khác	283.229.469	466.747.248
Chi phí dự phòng	90.925.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.712.564.548</b>	<b>1.871.611.108</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Xử lý công nợ	138.791.102	5.293.275
Điều chỉnh thuế GTGT và TNCN theo thông báo nợ thuế	377.836.238	-
Thu nhập khác	178.687.312	-
<b>Cộng</b>	<b>695.314.652</b>	<b>5.293.275</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Phạt chậm nộp thuế	347.257.385	-
Xử lý chênh lệch công nợ	28.448.274	326.907
Phạt chậm nộp BHXH	-	251.939
Các khoản khác	6.405.255	-
<b>Cộng</b>	<b>382.110.914</b>	<b>578.846</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>(31.022.137)</b>	<b>(1.535.136.492)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	432.510.914	578.846
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>432.510.914</i>	<i>578.846</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>401.488.777</b>	<b>(1.534.557.646)</b>
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>401.488.777</b>	<b>(1.534.557.646)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	80.297.754	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông báo nợ thuế	(658.367.273)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>(578.069.519)</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	276.044.979	3.830.339.666
Chi phí nhân công	1.731.227.400	3.798.953.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	485.586.176	491.140.164
Chi phí dự phòng	90.925.000	530.523.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.712.184	2.833.690.106
Chi phí bằng tiền khác	630.419.978	1.571.151.090
<b>Cộng</b>	<b>3.538.915.717</b>	<b>13.055.797.997</b>

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/các cổ đông/Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	294.826.856	7.581.725.890
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.128.278.658)	(1.887.714.116)
<b>Nợ thuần</b>	<b>(833.451.802)</b>	<b>5.694.011.774</b>
Vốn chủ sở hữu	170.697.833.474	169.893.186.092
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>		<b>3,35%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Các loại công cụ tài chính**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và tương đương tiền	1.128.278.658	1.887.714.116
Phải thu khách hàng	4.509.192.195	35.392.452.573
Phải thu khác	4.852.392.469	3.206.954.202
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.029.525.644	7.268.833.038
<b>Cộng</b>	<b>18.519.388.966</b>	<b>47.755.953.929</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	294.826.856	7.581.725.890
Phải trả người bán	2.799.740.300	1.305.121.823
Phải trả khác	11.639.516.621	14.053.905.299
Dự phòng phải trả	1.268.913.744	1.268.913.744
Chi phí phải trả	11.810.714.867	21.383.450.467
<b>Cộng</b>	<b>27.813.712.388</b>	<b>45.593.117.223</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.128.278.658	-	1.128.278.658
Phải thu khách hàng	4.509.191.715	-	4.509.191.715
Phải thu khác	4.852.392.469	-	4.852.392.469
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.029.525.644	8.029.525.644
<b>Cộng</b>	<b>10.489.862.842</b>	<b>8.029.525.644</b>	<b>18.519.388.486</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	294.826.856	-	294.826.856
Phải trả người bán	2.799.740.300	-	2.799.740.300
Phải trả khác	5.067.664.461	6.571.852.160	11.639.516.621
Dự phòng phải trả	1.268.913.744	-	1.268.913.744
Chi phí phải trả	11.810.714.867	-	11.810.714.867
<b>Cộng</b>	<b>21.241.860.228</b>	<b>6.571.852.160</b>	<b>27.813.712.388</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(10.751.997.386)</b>	<b>1.457.673.484</b>	<b>(9.294.323.902)</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.887.714.116	-	1.887.714.116
Phải thu khách hàng	35.392.452.573	-	35.392.452.573
Phải thu khác	3.206.954.202	-	3.206.954.202
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	7.268.833.038	7.268.833.038
<b>Cộng</b>	<b>40.487.120.891</b>	<b>7.268.833.038</b>	<b>47.755.953.929</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	7.581.725.890	-	7.581.725.890
Phải trả người bán	1.305.121.823	-	1.305.121.823
Phải trả khác	7.482.053.139	6.571.852.160	14.053.905.299
Dự phòng phải trả	1.268.913.744	-	1.268.913.744
Chi phí phải trả	21.383.450.467	-	21.383.450.467
<b>Cộng</b>	<b>39.021.265.063</b>	<b>6.571.852.160</b>	<b>45.593.117.223</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.465.855.828</b>	<b>696.980.878</b>	<b>2.162.836.706</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1	Công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.2	Công ty con	
<b>Giao dịch với bên liên quan</b>		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp VRC.1</b>		
Lãi vay phải trả trong kỳ	173.360.888	215.834.016
Chi phí thuê xe phát sinh trong kỳ	-	25.200.000

*Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau*

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương, thưởng	181.954.901	156.270.000

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Trích từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán:

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>01/01/2016 Số đã kiểm toán</b>	<b>Điều chỉnh hồi tố</b>	<b>01/01/2016 Sau điều chỉnh</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>		<b>10.510.000.000</b>	<b>(1.103.600.000)</b>	<b>9.406.400.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	10.510.000.000	(1.103.600.000)	9.406.400.000
<b>Cộng tài sản</b>		<b>10.510.000.000</b>	<b>(1.103.600.000)</b>	<b>9.406.400.000</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>11.794.641.036</b>	<b>(1.103.600.000)</b>	<b>10.691.041.036</b>
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.794.641.036	(1.103.600.000)	10.691.041.036
<b>Cộng nguồn vốn</b>		<b>11.794.641.036</b>	<b>(1.103.600.000)</b>	<b>10.691.041.036</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

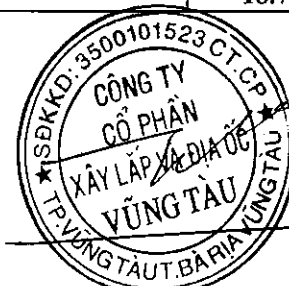
**35. SỐ LIỆU SO SÁNH** (tiếp theo)

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 1 tháng 1 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015 đã được kiểm toán:

Các chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 Số đã kiểm toán	Trình bày lại	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 Trình bày lại
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Giảm các khoản phải thu	09	9.857.497.960	798.017.181	10.655.515.141
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(677.318.166)	2.240.548.900	1.563.230.734
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	96.278.020.323	(331.154.286)	95.946.866.037
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	(1.415.571.892)	(2.857.934.903)	(4.273.506.795)
Tiền lãi vay đã trả	14	(57.302.202)	8.235.253	(49.066.949)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(140.109.000)	140.109.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>103.423.173.375</b>	<b>(2.178.855)</b>	<b>103.420.994.520</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(326.115.855)	(284.145)	(326.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(271.386.815)</b>	<b>(284.145)</b>	<b>(271.670.960)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	323.937.000	2.463.000	326.400.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(84.419.898.844)</b>	<b>2.463.000</b>	<b>(84.417.435.844)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>18.731.887.716</b>	<b>-</b>	<b>18.731.887.716</b>

Trần Thị Thúy  
Người lập biểu  
Ngày 27 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc